TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BĐ, TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05/8/2024
V/v "Ly hôn giữa chị L với anh T"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BĐ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hoàng Mích.

2. Bà Đào Thị Tuyết Mai.

***- Thư ký phiên Tòa*:** Ông Đặng Huỳnh Khánh Duy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị T1 Loan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 166/2024/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2024/QĐST- HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 125/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: **Võ Thị Bé L**, sinh năm 1992 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp Việc Giữa, xã T, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.
Chị L có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt đề ngày 06/5/2024.
* *Bị đơn:* **Phạm Chí T**, sinh năm 1990 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp Việc Giữa, xã T, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 22/3/2024, bản tự khai ngày 06/5/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Võ Thị Bé L trình bày:

Chị Võ Thị Bé L với anh Phạm Chí T tiến tới hôn nhân trên tinh thần tự

nguyện, cưới nhau vào năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào năm 2011. Thời gian đầu, vợ chồng sống chung có hạnh phúc nhưng đến tháng 01 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cải nhau, anh T không lo làm ăn, không lo cho gia đình. Vợ, chồng sống ly thân từ tháng 02 năm 2024 cho đến nay. Hiện tại, tình cảm vợ chồng không còn, nên chị L yêu cầu ly hôn với anh Phạm Chí T.

Về nuôi con chung: Có 04 con chung tên là Phạm Võ Chí H, sinh ngày 11/02/2012; Phạm Võ Ngọc T1, sinh ngày 21/12/2014; Phạm Võ Chí H1, sinh ngày 26/5/2017; Phạm Võ Chí K, sinh ngày 30/9/2021.

Hiện nay, cháu T1 và cháu K đang sống với chị L, Cháu H1 và cháu H đang sống với anh T. Sau khi ly hôn, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1 và cháu K; Anh T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và cháu H1. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn Phạm Chí T trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do, mặc dù anh T vẫn còn đang sinh sống tại địa phương, nên không thu thập được lời khai.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn chị Võ Thị Bé L thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên bị đơn Phạm Chí T không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt tại phiên tòa là vi phạm khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị Bé L đối với anh Phạm Chí T.

Về nuôi con chung: Giao cháu Phạm Võ Ngọc T1 sinh, ngày 21/12/2014; Phạm Võ Chí K, sinh ngày 30/9/2021 cho chị Võ Thị Bé Lh trực tiếp nuôi dưỡng (Phù hợp với nguyện vọng của cháu T1 trên 07 tuổi).

Giao cháu Phạm Võ Chí H, sinh ngày 11/02/2012; Phạm Võ Chí H1, sinh ngày 26/5/2017 cho anh Võ Chí T trực tiếp nuôi dưỡng (Phù hợp với nguyện vọng của cháu H và cháu H1 trên 07 tuổi).

Ghi nhận sự tự nguyện của chị L và anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L khai không có, anh T cũng không có yêu cầu gì nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Võ Thị Bé L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Bị đơn Phạm Chí T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Chị L với anh T cưới nhau vào năm 2011 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hàn gắn được. Hiện tại, ai cũng có cuộc sống riêng, không quan tâm đến nhau. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, biên bản xác minh tại chính quyền địa phương cũng như lời khai của chị L trong quá trình giải quyết vụ án đủ cơ sở xác định cuộc sống vợ, chồng giữa chị L với anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cải nhau, anh T không lo làm ăn, không lo cho gia đình, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2024 cho đến nay.

Toà án đã triệu tập chị L và anh T để hoà giải, nhằm tạo điều kiện cho hai bên có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh T vắng mặt không có lý do, đồng thời chị L cũng có yêu cầu xét xử vắng mặt cho thấy hai bên đã không còn quan tâm và không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với nhau. Từ đó, xét

thấy cuộc sống vợ chồng giữa chị L với anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị L là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung:

- Cháu Phạm Võ Chí K, sinh ngày 30/9/2021 và Phạm Võ Ngọc T1, sinh ngày 21/12/2014 đang sống chung với chị L, các cháu phát triển bình thường, cháu T1 có nguyện vọng được sống với mẹ là chị L. Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cháu Phạm Võ Chí K và cháu Phạm Võ Ngọc T1 để chị L trực tiếp nuôi dưỡng nhằm đảm bảo sự phát triển bình thường của trẻ, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Cháu Phạm Võ Chí H1, sinh ngày 26/5/2017 và Phạm Võ Chí H, sinh ngày 11/02/2012 đang sống chung với anh T, các cháu phát triển bình thường, cháu H1 và cháu H có nguyện vọng được sống với cha là anh T. Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cháu Phạm Võ Chí H1 và cháu Phạm Võ Chí H để anh T trực tiếp nuôi dưỡng nhằm đảm bảo sự phát triển bình thường của trẻ, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Võ Thị Bé L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, anh T không có ý kiến hay yêu cầu gì nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L khai không có, anh T cũng không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Đối với lời trình bày của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện BĐ về quan điểm giải quyết vụ án: phù hợp với quy định của pháp luật cũng như nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Áp dụng quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Chị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 107, 116, 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ đơn yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị Bé L đối với anh Phạm Chí T.

Cho ly hôn giữa chị Võ Thị Bé L đối với anh Phạm Chí T.

Quan hệ hôn nhân giữa chị Võ Thị Bé L đối với anh Phạm Chí T chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung: Chị Võ Thị Bé L được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Cháu Phạm Võ Chí K, sinh ngày 30/9/2021 và cháu Phạm Võ Ngọc T1 sinh ngày 21/12/2014.

Anh Phạm Chí T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Võ Chí H1, sinh ngày 26/5/2017 và cháu Phạm Võ Chí H, sinh ngày 11/02/2012.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Võ Thị Bé L với anh Phạm Chí T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Chị Võ Thị Bé L với anh Phạm Chí T không trực tiếp nuôi con chung còn có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị Võ Thị Bé L với anh Phạm Chí T trực tiếp nuôi con chung còn lại cùng các thành viên gia đình không được cản trở nhau trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Võ Thị Bé L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005567 ngày 26 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

Như vậy,chị Võ Thị Bé L đã nộp đủ án phí.

Các đương sự chị Võ Thị Bé L, anh Phạm Chí T vắng mặt tại phiên tòa

có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện BĐ;
- Chi cục THADS huyện BĐ;
- UBND xã T
(Số 65/2011, quyển số 01/2011 ngày 26/9/2011);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Đăng Phi